HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO
lần

NGHỊ QUYẾT
Quy định về chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Dự thảo Nghị quyết Quy định về chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2026 của

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị quyết Quy định về chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; một số chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

2. Các nội dung và mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các tổ chức, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Các nội dung chi cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Tiêu chí xác định chuyên gia trong nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiêu chí xác định chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).

3. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

9. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

12. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

13. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 4. Các nội dung chi cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

1. Chi hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ.

2. Chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.

3. Chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên).

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp.

5. Chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới.

6. Chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm.

7. Chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới.

8. Chi hỗ trợ thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hóa.

9. Chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước.

10. Chi hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới.

Chương III
QUY ĐỊNH MỨC CHI XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 265/2025/NĐ-CP

Điều 5. Dự toán Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một khoản tiền bù đắp cho công sức lao động trí óc đối với các kết quả công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP hoặc nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Mức thù lao cụ thể cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xem xét, quyết định trong phạm vi mức trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dự kiến đối với từng loại hình nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Đối với nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng bằng 55 triệu đồng/người/tháng, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở bằng 38 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Căn cứ quy định về các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và hệ số lao động khoa học của các chức danh hoặc nhóm chức danh quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, căn cứ theo tính chất và mức độ đóng góp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền thù lao chi tiết theo các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi theo tháng tham gia của các chức danh hoặc nhóm chức danh.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được rà soát khi thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không quy đổi đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của một tháng chia cho 26 ngày và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng.

3. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

4. Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Dự toán Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước

a) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 004/2025/TT-BNV). Tổng dự toán kinh phí thực hiện

thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này;

b) Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ;

2. Dự toán chi thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài

a) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, tổ chức chủ trì nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, hiệu quả của việc thuê chuyên gia cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

b) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 7. Dự toán Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở

hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến được xây dựng căn cứ:

a) Số lần làm thí nghiệm và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng và tỷ lệ tiêu hao mỗi lần dự kiến;

b) Số lượng mẻ sản xuất thử nghiệm (nếu có) và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng và tỷ lệ tiêu hao mỗi lần dự kiến;

c) Số lượng mô hình vật mẫu dự kiến, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến;

d) Số lần, số lượng lấy mẫu để xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ đăng ký bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ;

đ) Số lần thử nghiệm phục vụ hoàn thiện sản phẩm trước khi nghiệm thu (nếu có) và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng và tỷ lệ tiêu hao mỗi lần dự kiến;

e) Dự toán về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến về khối lượng công việc nghiên cứu, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), định mức sử dụng vật tư theo yêu cầu vận hành thiết bị, phòng thí nghiệm hoặc theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có), giá niêm yết trên thị trường hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

2. Dự toán về mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng được xây dựng dự toán căn cứ:

a) Số lượng mẫu vật dự kiến cần thu thập, phân tích, hoặc thử nghiệm;

b) Số lượng dụng cụ tiêu hao dùng một lần căn cứ: số lượng thí nghiệm dự kiến và số lượng người tham gia thực hiện thí nghiệm dự kiến;

c) Số lượng phụ tùng và vật rẻ tiền mau hỏng căn cứ: kế hoạch bảo trì, công bảo trì, tần suất hỏng hóc dự kiến của thiết bị nghiên cứu để xác định số lượng phụ tùng dự kiến; số lượng thiết bị nghiên cứu, mô hình để xác định số lượng vật rẻ tiền mau hỏng dự kiến;

d) Dự toán về mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng dự kiến được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến về khối lượng công việc nghiên cứu, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), định mức sử dụng vật tư theo yêu cầu vận hành thiết bị, phòng thí nghiệm hoặc theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có), giá niêm yết trên thị trường hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

3. Dự toán tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo được xây dựng căn cứ: danh mục tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo cần dùng và giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

4. Dự toán mua quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: dự toán được lập theo các căn cứ dưới đây và thanh toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả:

a) Giá thỏa thuận giữa bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ;

b) Báo giá dịch vụ tư vấn định giá tài sản trí tuệ đối với đối tượng quyền được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, số lượng đối tượng quyền được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng;

c) Báo giá dịch vụ tư vấn của tổ chức tư vấn/tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán;

d) Mức phí, lệ phí đăng ký, thẩm định, cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ được công bố tại thời điểm lập dự toán, bao gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, phần mềm được bảo hộ, nhãn hiệu, giống cây trồng dự kiến cần thiết để triển khai nghiên cứu hoặc sản xuất thử nghiệm.

5. Dự toán mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng căn cứ vào sự cần thiết của việc sử dụng dữ liệu khoa học chuyên ngành, số lượng quyền truy cập theo gói năm hoặc gói người dùng cần thiết dự kiến, báo giá từ nhà cung cấp dịch vụ dữ liệu (quốc tế hoặc trong nước) hoặc giá niêm yết thuê quyền truy cập tại thời điểm lập dự toán.

6. Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan; việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc thanh toán, quyết toán kinh phí phải dựa trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và nằm trong tổng mức kinh phí khoán của nhiệm vụ đã được phê duyệt, phù hợp với các quy định tài chính hiện hành về cơ chế khoán chi.

7. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ mục tiêu giải mã công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược sử dụng ngân sách nhà nước, việc mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã công nghệ thực hiện theo giá thỏa thuận, thanh toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, việc mua trực tiếp bí quyết công nghệ thực hiện theo giá thỏa thuận, thanh toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh được phép mua công nghệ, sản phẩm, thiết bị, bí quyết công nghệ theo cơ chế đặc thù do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 8. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và trong phạm vi dự toán hàng năm.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 9. Dự toán chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (Thông tư số 140/2025/TT-BTC).

2. Dự toán phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ, KH,CN,ĐMST	Nhiệm vụ KH,CN,ĐMST cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.500	1.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	500	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.500	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.500	1.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên, buổi	250	200

Điều 10. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh sự cần thiết, dự kiến khối lượng công việc cần thuê, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

Điều 11. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc theo quy định tại Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo (Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND).

Điều 12. Dự toán chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn

Dự toán chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng

trên cơ sở thuyết minh nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Điều 13. Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế

Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế được xây dựng trên cơ sở số lượng công trình khoa học và công nghệ dự kiến công bố phù hợp với yêu cầu và kết quả dự kiến của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mức phí công bố của từng tạp chí/hội thảo khoa học trong nước, mức phí công bố của từng tạp chí/hội thảo khoa học quốc tế, mức phí công bố được niêm yết công khai của các nhà xuất bản tại thời điểm lập dự toán, phí chuyển khoản và nghĩa vụ thuế (nếu có).

Điều 14. Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được xây dựng trên cơ sở:

1. Số lượng thành viên tham gia đánh giá, địa điểm đánh giá, phương thức đánh giá.

2. Mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 15. Dự toán chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở:

1. Số lượng hồ sơ, đối tượng dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Mức phí liên quan đến đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế được công bố tại thời điểm lập dự toán.

3. Báo giá dịch vụ tư vấn của tổ chức, cá nhân tư vấn/tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán.

Điều 16. Dự toán chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác)

Dự toán chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 17. Dự toán chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và 250 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở.

Điều 18. Dự toán chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có)

Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Chương IV
QUY ĐỊNH VỀ MỨC CHI XÂY DỰNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4, KHOẢN 5 ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 265/2025/NĐ-CP

Điều 19. Dự toán chi hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ

1. Dự toán chi phí liên quan đến quyền sử dụng/sở hữu công nghệ:

a) Dự toán phí cấp phép được xác định trên cơ sở theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu dự kiến; hoặc số lượng sản phẩm sử dụng công nghệ dự kiến; hoặc mức phí cố định hằng năm dự kiến; và báo cáo thẩm định giá (nếu có);

b) Dự toán phí chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ được xác định trên cơ sở căn cứ hồ sơ định giá công nghệ (do tổ chức định giá công nghệ, tổ

chức, cá nhân tư vấn, tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ thực hiện) hoặc giá thỏa thuận trên hợp đồng chuyển nhượng dự kiến đã tham khảo thị trường và báo cáo thẩm định giá (nếu có);

c) Dự toán phí mua/nhận chuyển giao bí quyết công nghệ được xác định trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc hoặc biên bản thỏa thuận với đối tác và báo cáo thẩm định giá (nếu có).

2. Dự toán chi phí đối với kết quả nghiên cứu và giải pháp số:

a) Dự toán chi phí mua hoặc tiếp nhận kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được xác định trên cơ sở chi phí nghiên cứu đã đầu tư theo số liệu báo cáo quyết toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ và giá trị thương mại dự kiến (khả năng ứng dụng vào sản xuất, tạo sản phẩm, doanh thu kỳ vọng);

b) Dự toán phí triển khai giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tổ chức được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp, bao gồm:

Dự toán chi cho tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh;

Dự toán thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh;

Chi phí thuê dịch vụ hạ tầng đám mây để huấn luyện mô hình AI, lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn;

Chi phí mua quyền sử dụng các phần mềm, nền tảng chuyên dụng theo năm (phần mềm quản lý nội dung số, phần mềm dựng-phát, nền tảng an ninh mạng);

Chi phí mua hoặc thuê các bộ dữ liệu lớn, đã được chuẩn hóa để phục vụ nghiên cứu, huấn luyện và phát triển AI.

3. Dự toán chi phí mua thông tin, dữ liệu và tài liệu kỹ thuật:

a) Dự toán chi phí mua thông tin về công nghệ (cơ sở dữ liệu, báo cáo/ công nghệ, thông tin thị trường công nghệ) được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

b) Dự toán chi phí mua tài liệu thiết kế, bản vẽ, quy trình công nghệ được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tài liệu thiết kế, bản vẽ, quy trình công nghệ và báo cáo thẩm định giá (nếu có);

c) Dự toán chi phí mua tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ áp dụng công nghệ được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Dự toán chi phí mua sắm phần mềm và công cụ hỗ trợ:

a) Dự toán chi mua phần mềm và công cụ hỗ trợ phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chuyển giao, vận hành công nghệ được xác định trên cơ sở tên phần mềm và công cụ hỗ trợ; chức năng và mục đích sử dụng phần mềm và công cụ hỗ trợ; phiên bản và các thông số kỹ thuật của phần mềm và công cụ hỗ trợ; báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

b) Dự toán chi phí bảo trì, nâng cấp phần mềm đi kèm (nếu có) được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp.

5. Tài liệu là minh chứng làm căn cứ để xây dựng dự toán cho các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này tại thời điểm lập dự toán là: báo giá, hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng dự kiến, giấy phép/văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, báo cáo thẩm định giá (nếu có).

Điều 20. Dự toán chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ

1. Dự toán chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm được xác định trên cơ sở thuyết minh quy trình công nghệ dự kiến để xác định yêu cầu kỹ thuật của thiết bị đo lường, kiểm soát chất lượng; giá lập dự toán được căn cứ bằng một trong các cách sau: giá công bố; báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán hoặc giá được duyệt của thiết bị tương đương đã được phê duyệt ở nhiệm vụ đổi mới sáng tạo khác.

b) Dự toán chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ được xác định theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

Điều 21. Dự toán chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên)

1. Dự toán chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng được xác định căn cứ theo: số lượng mẻ sản xuất thử nghiệm và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng tiêu hao mỗi lần sản xuất thử nghiệm dự kiến.

2. Dự toán được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), giá niêm yết trên thị trường và báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

Điều 22. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở căn cứ thuyết minh nội dung công việc, quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp bao gồm:

Hỗ trợ tư vấn đăng ký bảo hộ trong nước và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài, đăng ký quốc tế đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Hợp đồng tư vấn đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ;

Hỗ trợ tư vấn đăng ký văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu trong nước và bảo hộ quốc tế, bảo hộ ở nước ngoài (không bao gồm nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể) đối với Hợp đồng tự đăng ký, thiết kế kiểu dáng, hệ thống nhận diện thương hiệu để đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

Hỗ trợ tư vấn gia hạn, duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ: Theo công bố về phí, lệ phí duy trì, gia hạn văn bằng bảo hộ của cơ quan sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán;

Hỗ trợ tư vấn kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, quản lý kiểm soát chất lượng sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể;

Hỗ trợ tư vấn xây dựng Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hoặc cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ở nước ngoài về tình hình quản lý chỉ dẫn địa lý;

Hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về sở hữu trí tuệ, tư vấn về bảo vệ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài cho doanh nghiệp, tổ chức;

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển giao công nghệ;

c) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng bao gồm:

Hỗ trợ tư vấn xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở của doanh nghiệp;

Hỗ trợ tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến nâng cao năng suất. Trường hợp hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất có kết hợp với giải pháp chuyển đổi số, ngoài việc hỗ trợ áp dụng tiêu

chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ năng suất theo các mức ở trên, mức hỗ trợ áp dụng giải pháp chuyển đổi số áp dụng theo quy định tại đoạn thứ nhất và đoạn thứ 2 điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị quyết này.

Hỗ trợ tư vấn đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực chứng nhận, công nhận năng lực phòng thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn;

Hỗ trợ tư vấn xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP). Căn cứ thanh toán là QCĐP được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với QCĐP được xây dựng mới, mức hỗ trợ được xác định theo khối lượng công việc thực tế phát sinh; tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu do Nhà nước quy định và báo giá của nhà cung cấp đối với hạng mục thuê ngoài.

Riêng với hạng mục xây dựng dự thảo QCĐP được xác định bằng 40% mức hỗ trợ đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực: Đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực: mức hỗ trợ 60 triệu đồng/01 TCVN có độ dày dưới 50 trang; đối với độ dày từ 50 trang trở lên thì mức hỗ trợ thêm được xác định như sau: đối với TCVN có độ dày dưới 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm 20 triệu đồng; đối với TCVN có độ dày trên 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm 15 triệu đồng.

Điều 23. Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới

Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới được xác định căn cứ thuyết minh nội dung công việc, báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ trong nước và ngoài nước tại thời điểm lập dự toán.

Điều 24. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm

1. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc cần thuê, chế độ, định mức theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và các báo giá liên quan.

2. Dự toán thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm được xây dựng trên cơ sở thuyết minh số lượng thí nghiệm và thử nghiệm dự kiến, yêu cầu máy

móc, trang thiết bị của phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm, chế độ, định mức theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và các báo giá liên quan.

Điều 25. Dự toán chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới

Dự toán chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới được xác định dựa trên các căn cứ thuyết minh nội dung công việc và báo giá của đơn vị tư vấn, đơn vị thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng hoặc báo giá của tổ chức khoa học và công nghệ tại thời điểm lập dự toán.

Điều 26. Dự toán chi hỗ trợ thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hóa

1. Dự toán hỗ trợ chi phí thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện được xác định căn cứ thuyết minh về số lượng mẫu thử, nhóm tiêu chuẩn áp dụng và phạm vi thử nghiệm dự kiến; báo giá từ tổ chức thử nghiệm đạt chuẩn quốc tế (trong nước hoặc nước ngoài) tại thời điểm lập dự toán; tham khảo mức giá dịch vụ của các tổ chức kiểm định quốc tế. Dự toán bao gồm các nội dung:

a) Dự toán phí thử nghiệm, kiểm nghiệm, chứng nhận sản phẩm xuất khẩu: thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế; đánh giá an toàn, chất lượng, độ bền, tương thích điện từ, khả năng tái chế; phí chứng nhận hoặc công nhận kết quả thử nghiệm;

b) Dự toán chi phí gửi mẫu, bảo hiểm mẫu, vận chuyển mẫu thử sang phòng thí nghiệm nước ngoài (nếu trong nước chưa có năng lực tương đương);

c) Dự toán chi phí dịch vụ hỗ trợ thử nghiệm quốc tế: Dịch thuật hồ sơ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, bản mô tả sản phẩm; phí tư vấn chuẩn bị hồ sơ thử nghiệm (nếu cần);

d) Dự toán chi phí so sánh kết quả thử nghiệm và điều chỉnh công nghệ theo yêu cầu chứng nhận: Chi phân tích, rà soát lỗi sản phẩm, điều chỉnh quy trình sản xuất để đạt chuẩn quốc tế.

2. Dự toán hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy được lập dự toán theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Dự toán chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế được xác định căn cứ số lượng tiêu chuẩn xây dựng và áp dụng dự kiến; báo giá dịch vụ của tổ chức hoặc chuyên gia được công nhận tại thời điểm lập dự toán; mức chi đào tạo, hội thảo theo quy định tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND).

4. Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa với mức 30% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận. Tiêu chí xác định hỗ trợ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Dự toán chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng được xác định theo quy định tại đoạn thứ 2 điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị quyết này

6. Dự toán chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh được xác định căn cứ thuyết minh về số lượng hệ thống, chứng chỉ áp dụng dự kiến; báo giá của tổ chức công nhận, tổ chức tư vấn theo quy định tại thời điểm lập dự toán, trong đó:

a) Hỗ trợ chi phí quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định tại đoạn thứ 4 điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị quyết này;

b) Hỗ trợ chi phí áp dụng tiêu chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ năng suất thực hiện theo quy định tại đoạn thứ 2 điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị quyết này;

c) Hỗ trợ chi phí chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn thực hiện theo đoạn thứ 3 điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị quyết này.

7. Dự toán chi đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hóa được xác định dựa trên thuyết minh số lượng sản phẩm, hàng hóa đăng ký lưu hành dự kiến; báo giá từ tổ chức chứng nhận, cơ quan kiểm định, phòng thử nghiệm được công nhận; mức phí phải nộp theo quy định tại thời điểm lập dự toán. Bao gồm các nội dung sau:

a) Dự toán chi phí thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hóa, bao gồm: lệ phí đăng ký lưu hành, công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng; chi phí chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ đăng ký;

b) Dự toán chi phí thuê tư vấn, dịch vụ kỹ thuật: dịch vụ tư vấn lập hồ sơ đăng ký, hoàn thiện quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; dịch vụ thử nghiệm mẫu phục vụ hồ sơ đăng ký (thử nghiệm an toàn, vệ sinh, hiệu năng);

c) Dự toán chi phí dịch thuật, chứng nhận, công chứng, hợp pháp hóa lãnh sự (nếu có);

d) Dự toán chi phí kiểm tra, thẩm định hồ sơ do cơ quan nhà nước, tổ chức chứng nhận thực hiện.

Điều 27. Dự toán chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước

Dự toán chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước được xác định dựa trên một trong các căn cứ sau:

1. Thuyết minh về số lượng thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá sản phẩm dự kiến.

2. Báo giá hoặc hợp đồng nguyên tắc của đơn vị kiểm nghiệm, trung tâm thử nghiệm, hoặc báo giá của tổ chức có năng lực tại thời điểm lập dự toán.

3. Định mức chi (nếu có) hoặc giá dịch vụ tương đương trên thị trường tại thời điểm lập dự toán cho các nội dung sau: thử nghiệm sản phẩm tại phòng thí nghiệm được công nhận; kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa lý, cơ lý, sinh học, độ bền, độ ổn định; đánh giá mức độ phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật; thử nghiệm sản phẩm mẫu trong điều kiện sản xuất thực tế.

Điều 28. Mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán chi cho hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới

Việc lập dự toán chi cho hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 29. Mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ chi trả tiền lãi suất vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Điều kiện, thời hạn, mức hỗ trợ và quy trình hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương V
QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA; HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THÚC ĐẨY VĂN HÓA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 30. Mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước cho hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; chi hỗ trợ nhà khoa học tham dự báo cáo công trình nghiên cứu xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành bao gồm các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước như sau:

a) Một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo;

b) Chi phí đi lại từ nhà, nơi ở của nước đến đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại;

c) Tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn và tiêu vặt ở nước đến tham dự hội nghị, hội thảo, tiền bảo hiểm trong thời gian đi tham dự hội nghị, hội thảo;

d) Phí tham dự hội nghị, hội thảo theo quy định của ban tổ chức (nếu có);

đ) Chi phí visa và công chứng dịch thuật có liên quan.

2. Dự toán chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND); Thông tư 140/2025/TT-BTC.

3. Dự toán chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng bao gồm ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Một lần chi phí đi lại tới đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ, cơ quan, tổ chức giáo dục, đào tạo nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ và ngược lại cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d của khoản này;

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu quy định tại khoản này không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản này;

c) Hỗ trợ kinh phí chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng;

d) Hỗ trợ kinh phí tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho nghiên cứu sinh, học viên cao học.

4. Dự toán chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài:

a) Hỗ trợ tối đa 06 tháng tiền sinh hoạt phí theo mức quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

b) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập, nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC;

c) Hỗ trợ một lần trong toàn bộ thời gian đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài: một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến đơn vị chủ trì nghiên cứu; chi phí đi lại từ nhà, nơi ở của nước đến đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại.

5. Dự toán chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Dự toán chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:

a) Chi phí thuê địa điểm, phòng họp, hội trường, thiết bị kỹ thuật theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng C quy định tại (Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND); chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông và chi phí đi lại tại Việt Nam) của nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo;

c) Chi phí ăn ở, đi lại của Ban tổ chức theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND.

7. Dự toán chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:

a) Hỗ trợ 100% phí công bố (phí đăng tải kết quả nghiên cứu) cho công trình khoa học và công nghệ do cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học thực hiện;

b) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu do cá nhân nhà khoa học thực hiện không sử dụng ngân sách nhà nước, ngoài kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quy định tại điểm a khoản này, cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học sẽ được hỗ trợ thêm 2 tháng tiền công lao động khoa học tương ứng với thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này. Đối với nhóm nhà khoa học, người đăng ký hỗ trợ là người được nhóm nhà khoa học xác nhận là tác giả chính;

c) Điều kiện xem xét hỗ trợ và tiêu chí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 53 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Dự toán chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học được ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản sau đây:

a) Kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài tư vấn về xuất bản tạp chí theo mức thương thảo tiền thuê chuyên gia của tạp chí khoa học đề xuất hỗ trợ, trong đó thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia;

b) Phí xuất bản trong thời gian không quá 02 năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí được lập dự toán theo báo giá của nhà xuất bản tại thời điểm đề xuất hỗ trợ;

c) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá 02 năm. Mức chi thuê biên tập tiếng Anh được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

9. Dự toán chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: mức khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 50 Nghị định 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

10. Dự toán chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Một vé máy bay khứ hồi hạng thương gia/phổ thông đặc biệt từ nước ngoài đến Việt Nam. Việc xác định mức hỗ trợ phụ thuộc vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và mức độ đóng góp của nhà khoa học nước ngoài đối với hoạt động nghiên cứu; hợp tác và đào tạo của tổ chức tiếp nhận tại Việt Nam;

b) Chi phí đi lại phát sinh tại Việt Nam và chi phí đi lại từ nhà, nơi ở tại Việt Nam đến sân bay và ngược lại;

c) Chi phí thuê chỗ ở trong thời gian tối đa 03 tháng, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng B quy định tại Nghị quyết Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND;

d) Chi dịch thuật phục vụ trao đổi học thuật quy định tại Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND.

11. Dự toán chi hỗ trợ, tài trợ thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng tổng công trình sư, nhân tài, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, chính sách, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

12. Dự toán chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP: Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 31. Mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Dự toán chi đào tạo, chi nâng cao năng lực cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức các khóa đào tạo trong nước, nước ngoài; thuê chuyên gia trong nước, quốc tế:

a) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế đưa vào chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động.

c) Hỗ trợ chi phí tổ chức các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

2. Dự toán chi cho kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm ở trong nước với khu vực và thế giới; thuê chuyên gia hỗ trợ, kết nối đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) bao gồm:

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế bao gồm:

Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Dự toán chi hỗ trợ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn giao dịch thương mại và sự kiện xúc tiến thương mại ở trong nước, nước ngoài, công tác phí cho người đi công tác ở trong nước, nước ngoài; chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam; chi điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin, nghiên cứu đánh giá nhu cầu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; chi thuê chuyên gia tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, thâm nhập thị trường nước ngoài; chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, đánh giá thị trường, sản phẩm; chi tuyên truyền, quảng bá, cung cấp thông tin, xây dựng và phát hành các ấn phẩm phục vụ chương trình xúc tiến thương mại.

Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

4. Dự toán chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu.

a) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, bao gồm:

Hỗ trợ 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

Hỗ trợ 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

b) Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5. Dự toán chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương, quốc gia, quốc tế.

a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

b) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia;

c) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo trong nước);

d) Tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở:

Căn cứ theo điều kiện cụ thể, đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức và quy chế xét tặng giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở theo quy định tại Nghị định 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Nghị định số 263/2025/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn (nếu có);

Nội dung và mức chi: Thực hiện theo nội dung và mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật do các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

Đối với cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo mà tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước: Thời hạn tổ chức cuộc thi xét tặng giải thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 263/2025/NĐ-CP;

Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở: Nội dung, mức chi và thời hạn tổ chức cuộc thi xét tặng giải thưởng thực hiện theo thỏa thuận xét tặng giải thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật.

6. Dự toán chi tôn vinh, trao giải cho các dự án, cá nhân, tổ chức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi, giải thưởng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do cấp có thẩm quyền tổ chức ở địa phương, cấp quốc gia hoặc được công nhận là giải thưởng quốc tế có uy tín: thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

7. Dự toán chi truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: xây dựng tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản, tác phẩm văn học nghệ thuật, chương trình truyền hình; tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam; các nội dung khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội). Dự toán kinh phí đối với hoạt động truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được lập theo các quy định như sau:

a) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

b) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

c) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP;

d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội, nhuận bút): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

đ) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND;

e) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung truyền thông, căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản này để phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao và theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ.

8. Dự toán chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Dự toán chi xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia, bao gồm:

Chi thuê chuyên gia (trong nước và quốc tế) để xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, và cơ sở dữ liệu. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và quốc tế được xác định theo hợp đồng khoán việc, trên cơ sở thương thảo, thuyết minh rõ kết quả và tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

Chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND;

Chi mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu, mua thông tin, tài liệu về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, chuyên gia căn cứ vào sự cần thiết, số lượng quyền truy cập/gói cần thiết, báo giá từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc giá niêm yết tại thời điểm lập dự toán;

Chi xây dựng và phát triển phần mềm, ứng dụng để quản lý cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia thực hiện theo báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

b) Dự toán chi thúc đẩy giao dịch, kết nối thị trường khoa học và công nghệ: thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển để tổ chức các sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ; chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ, bao gồm:

Chi tổ chức sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ, giao dịch, kết nối thị trường (thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển) thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ. Mức chi thuê chuyên gia xác định căn cứ báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

c) Dự toán chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu; tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ, bao gồm:

Chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu phục vụ định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ thực hiện theo báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

Chi tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ: Chi phí tổ chức khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND.

d) Dự toán chi khảo sát, nghiên cứu thị trường, bao gồm:

Chi thuê dịch vụ khảo sát, nghiên cứu thị trường (bao gồm thuê chuyên gia, thuê đơn vị nghiên cứu) thực hiện theo hợp đồng và báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập dự toán, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

Chi tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND

Chi công tác phí, chi hội nghị phục vụ công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày .....tháng năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 tiếp tục thực hiện theo quy định Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thực hiện theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

2. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

3. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức và hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa ....., Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .... tháng ... năm ...../.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội,
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ở tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo và PTTH Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.